

## NUÔI TÔM TRÊN VÙNG ĐẤT VEN BIỂN HÀ TĨNH: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN

### Shrimp Culture on Coastal Area of Ha Tinh Province: Current Production and Development Solutions

Vũ Đình Bắc<sup>1</sup>, Phạm Văn Đình<sup>2</sup>

<sup>1</sup> Viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp

<sup>2</sup> Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội

Địa chỉ email tác giả liên lạc: ktpt.ied@gmail.com

#### TÓM TẮT

Hà Tĩnh có 5 huyện ven biển, diện tích tự nhiên vùng đồng bằng ven biển trên 103,5 nghìn hecta, trong đó đất cát ven biển chiếm diện tích 63,5 nghìn hecta, tương đương 61,3%, riêng tiềm năng đất ven biển cho nuôi trồng thủy sản (chủ yếu là nuôi tôm nước lợ) có thể đạt khoảng trên 6 nghìn hecta. Hiện nay, người dân chủ yếu nuôi tôm theo mô hình hộ quảng canh. Bên cạnh đó, mô hình trang trại nuôi thâm canh đang ngày càng tăng. Đến năm 2009 trong tỉnh có 179 trang trại nuôi trồng thủy sản, chủ yếu là nuôi tôm nước lợ. Hiệu quả kinh tế nuôi tôm trên đất ven biển phụ thuộc vào loại hình nuôi, nếu tính trên 1 ha bình quân chung các trang trại đầu tư thâm canh có GO (Gross Output) đạt 81,6 triệu đồng, gấp 4,08 lần; VA (Value Added) đạt 31,78 triệu đồng, gấp 2,30 lần và MI (Mix income) đạt 30,49 triệu đồng, gấp 2,38 lần so với nuôi tôm quảng canh của hộ. Từ phương diện môi trường, nuôi tôm trên đất ven biển, nhất là nuôi có đầu tư thâm canh và tập trung quy mô lớn xuất hiện những rủi ro. Năng suất tôm nuôi bấp bênh, môi trường bị ảnh hưởng. Các giải pháp đồng bộ sản xuất tôm vùng ven biển là tổ chức sản xuất theo quy hoạch phát triển trang trại, áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ, công tác quản lý giám sát quy trình kỹ thuật sản xuất, tuyên truyền giáo dục cộng đồng, tăng cường hoạt động khuyến ngư.

Từ khoá: Đất ven biển, hiệu quả nuôi tôm, kinh tế và môi trường.

#### SUMMARY

There are 5 districts in Ha Tinh with the coastal area of more than 103.5 thousand hectares, in which the major area is sandy soil. There are 6 thousand hectares of the potential coastal area to raise shrimp in brackish water. The main model of shrimp raising is extensive household farming. Besides, the model of intensive farming is increasing more and more. There are 179 aquacultural farms with the major part is shrimp raising in brackish water. The economic efficiency of raising shrimp in the coastal area depends on the raising model. On average of 1 hectare, farms with intensive farming have gross output (GO) reaching VND 81.6 million, being 4.08 times higher; value add (VA) is VND 31,78 million, being 2.30 times higher and mix income (MI) is VND 30,49 million, being 2.38 times higher than extensive household farming. From environment aspect, raising shrimp in the coastal area, especially intensive farming with large scale involves economic and environmental risks such as unsustainable shrimp productivity, deteriorated environment... There are some main solutions including planning production, farm development, applying advanced technology, managing and controlling producing process, education community, encouraging extension activities.

Key words: Coastal land, economic and environment, effect of raising shrimp.

#### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hà Tĩnh là tỉnh ven biển, có 137 km bờ biển, có 5 huyện giáp biển là Nghi Xuân, Lộc Hà, Thạch Hà, Cẩm Xuyên, Kỳ Anh với diện tích tự nhiên vùng đồng bằng ven biển

khoảng 103,5 nghìn hecta, riêng đất cát và bãi bồi ven biển là trên 63,5 nghìn hecta. Đến nay, kinh tế vùng ven biển Hà Tĩnh chủ yếu là nông nghiệp, giá trị sản xuất toàn ngành (cả nông - lâm - thủy sản) vẫn chiếm tỷ trọng

69,4%. Vùng ven biển tỉnh Hà Tĩnh, tiềm năng cho nuôi trồng thủy sản (NTTS) nói chung và nuôi tôm nước lợ nói riêng là khá lớn. Theo kết quả đánh giá đất của cơ quan chuyên môn, tiềm năng đất để NTTS vùng ven biển Hà Tĩnh khoảng trên 6 nghìn hecta (Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp, 2005). Những năm gần đây, NTTS vùng ven biển, nhất là nuôi tôm nước lợ phát triển. Nguyên nhân chính là hiệu quả kinh tế của nuôi tôm trên đất ven biển (ĐVB) nhìn chung khá cao, hơn nữa sản phẩm tôm dễ tiêu thụ kể cả thị trường trong nước và chế biến xuất khẩu. Những năm qua diện tích nuôi tôm có xu hướng tăng nhưng không ổn định, năm 2009 đạt 1771 ha. Nuôi tôm mang lại thu nhập và việc làm cho nhiều hộ nông dân vùng ven biển, nhưng thực tế cho thấy, phát triển nuôi tôm một cách ồ ạt thiếu quy hoạch cũng có không ít rủi ro.

## 2. MỤC TIÊU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Mục tiêu tổng quát

Từ phân tích thực trạng hiệu quả kinh tế nuôi tôm trên đất ven biển và một số ảnh hưởng chủ yếu về mặt môi trường, đề xuất một số giải pháp phát triển nuôi tôm ở vùng đất ven biển tỉnh Hà Tĩnh theo hướng hiệu quả kinh tế cao và bền vững.

### 2.2. Mục tiêu cụ thể

- Đánh giá kết quả nuôi tôm vùng ven biển Hà Tĩnh trong giai đoạn 2005 - 2009.

- Đánh giá hiệu quả nuôi tôm ở quy mô hộ và trang trại, phân tích một số ảnh hưởng của việc nuôi tôm đến môi trường.

- Đề xuất một số giải pháp để nuôi tôm đạt hiệu quả và bền vững.

### 2.3. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp thu thập số liệu: Ngoài việc sử dụng những tài liệu thứ cấp như số liệu thống kê, các báo cáo của một số cơ quan chuyên môn như Sở Nông nghiệp và Phát

triển nông thôn (NN & PTNT) Hà Tĩnh, các phòng NN & PTNT các huyện ven biển Hà Tĩnh, một số cơ quan nghiên cứu chuyên ngành nông nghiệp..., nghiên cứu này tiến hành điều tra thực tế một số vùng nuôi tôm của hộ và trang trại<sup>1</sup> trong vùng ven biển của tỉnh Hà Tĩnh. Tổng số mẫu điều tra là 30 hộ nuôi theo phương thức quảng canh/hay quảng canh cải tiến; 30 trang trại nuôi thâm canh. Địa bàn điều tra được chọn gồm những xã giáp biển nuôi tôm trọng điểm là Xuân Hội (huyện Nghi Xuân), Cẩm Phúc (huyện Cẩm Xuyên), Kỳ Khang (huyện Kỳ Anh).

- Phạm vi nghiên cứu: Về thời gian, tiến hành nghiên cứu từ 2005 - 2009; Về không gian, vùng ven biển được xác định ranh giới phía Đông quốc lộ 1A đến bờ biển của 5 huyện ven biển tỉnh Hà Tĩnh.

- Số liệu được xử lý trên chương trình Excel: số liệu năng suất tôm của hộ và trang trại điều tra được xử lý bằng phương pháp phân tích phương sai một yếu tố.

- Các chỉ tiêu tổng hợp: các chỉ tiêu liên quan đến chi phí sản xuất bao gồm chi phí trung gian (IC); công lao động (W); các chỉ tiêu liên quan đến kết quả sản xuất bao gồm năng suất, giá trị sản xuất (GO), giá trị gia tăng (VA), thu nhập hỗn hợp (MI); các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả kinh tế bao gồm GO, VA, MI tính trên 1 ha và tính trên 1 đồng chi phí IC và thu nhập hỗn hợp tính theo công lao động (MI/công).

## 3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

### 3.1. Khái quát tình hình nuôi trồng thủy sản nói chung vùng ven biển Hà Tĩnh

NTTS vùng ven biển Hà Tĩnh chủ yếu là nuôi nước lợ và nước mặn, đối tượng nuôi đa

<sup>1</sup> Tiêu chí trang trại áp dụng theo quy định trong Thông tư liên Bộ số 69/TTLT/BNN-TCTK ngày 23 tháng 6 năm 2000 giữa Bộ NN & PTNT và Tổng cục Thống kê và Thông tư 74/2003/TT-BNN ngày 4 tháng 7 năm 2003 của Bộ NN & PTNT.

dạng như tôm, cua, ngao, sò, cá và một số loài nhuyễn thể khác... nhưng tôm sú vẫn là đối tượng chính. Năm 2009 tổng diện tích NTTS vùng mặn lợ ven biển Hà Tĩnh là 2153 ha thì tỷ lệ diện tích nuôi tôm chiếm 82,3%, nuôi cá chỉ chiếm 0,5%, còn lại là các đối tượng khác. Xu hướng những năm qua diện tích nuôi tôm phát triển, nhưng không ổn định (từ 1949 ha năm 2005 giảm xuống 1771 ha năm 2009), diện tích nuôi cá năm 2009 chỉ là 119 ha), diện tích nuôi hỗn hợp các loại thủy sản khác giảm (từ 642 ha năm 2005 giảm xuống 263 ha năm 2009). Như vậy tôm vẫn là đối tượng được người sản xuất lựa chọn chính bởi tính phù hợp của tôm với môi trường nước lợ ven biển và nguyên nhân chính là hiệu quả sản xuất từ nuôi tôm luôn được người sản xuất đặt kỳ vọng. Ngoài ra, tôm có thị trường tiêu thụ và ngày càng được ưa chuộng, là mặt hàng xuất khẩu chủ lực trong số mặt hàng nông sản xuất khẩu của tỉnh Hà Tĩnh. Theo số liệu của Cục Thống kê Hà Tĩnh, từ năm 2005 đến năm 2009, sản lượng tôm đông lạnh xuất khẩu tăng đều qua các năm (năm 2005 xuất khẩu 452 tấn tôm đông lạnh đến năm 2009 tăng lên 601 tấn), trong khi các sản phẩm nông sản xuất khẩu khác giảm hoặc tăng không đáng kể.

### 3.2. Đánh giá tình hình nuôi tôm vùng ven biển tỉnh Hà Tĩnh

#### 3.2.1. Quy mô và địa bàn phân bố chủ yếu

- Diện tích nuôi tôm nước lợ biển động, 2 năm đạt đỉnh cao là năm 2006 và 2007, sau đó giảm dần 2 năm tiếp theo (Bảng 1). Vùng trọng điểm nuôi tôm nước lợ là các xã Xuân Hội, Xuân Giang, Xuân Trường (huyện Nghi Xuân); Hộ Độ, Thạch Bằng, Ích Hậu (huyện Lộc Hà); Thạch Trị, Thạch Sơn, Tượng Sơn, Thạch Bàn (huyện Thạch Hà); Cẩm Phúc, Cẩm Lộc, Cẩm Nhượng (huyện Cẩm Xuyên); Kỳ Khang, Kỳ Thọ, Kỳ Trinh, Kỳ Thư (huyện Kỳ Anh).

- Năng suất tôm nuôi không ổn định, cao hơn cả là năm 2005 với năng suất bình quân 12,7 tạ/ha, các năm còn lại năng suất dao

động từ 6,7 - 9,2 tạ/ha. Sở dĩ năng suất biến động bởi một số lý do chính như dịch bệnh, trình độ am hiểu kỹ thuật và khả năng đầu tư của người sản xuất bị hạn chế. Hơn nữa thiên tai như bão lũ cũng là tác nhân gây rủi ro cho sản xuất.

#### 3.2.2. Các loại hình tổ chức sản xuất nuôi trồng thủy sản

- Hình thức tổ chức sản xuất: tuy chủ yếu là hộ nhưng xu hướng phát triển trang trại đã thể hiện rõ rệt. Số lượng trang trại tăng trong những năm qua, qui mô diện tích và lao động mở rộng. Theo số liệu của Sở NN&PTNT Hà Tĩnh, năm 2009 có 179 trang trại nuôi tôm, tăng 36 trang trại so với năm 2005. Huyện có số trang trại nuôi tôm nhiều nhất là Thạch Hà với 43 trang trại.

Kết quả điều tra đại diện một số vùng cho thấy, diện tích bình quân 0,36 ha/hộ (hộ có diện tích lớn nhất đạt 0,5 ha và nhỏ nhất là 0,1 ha). Còn đối với trang trại, diện tích bình quân là 3,75 ha/trang trại nuôi tôm (diện tích trang trại lớn nhất là 8 ha và nhỏ nhất là 2 ha). Đặc điểm cơ bản là trang trại được hình thành từ sự phát triển sản xuất của một hộ mà chưa có trang trại với sở hữu nhiều hộ. Qua đó cho thấy để thành vùng tập trung cần có cơ chế chính sách khuyến khích sự hợp tác và chuyển đổi đất đai (hiện trên địa bàn ven biển có trên 10 nghìn hộ NTTS nếu những năm tới chuyển dần sang hình thức trang trại sẽ là nguồn lực lớn để phát triển sản xuất) (Bảng 2).

- Về lực lượng lao động: Bình quân một trang trại có 10,1 lao động, gấp 2,5 lần mô hình hộ, đa phần là lao động phổ thông kể cả nhiều chủ trang trại cũng không có chuyên môn kỹ thuật, trong số 179 trang trại chỉ có 20 người có chuyên môn từ công nhân kỹ thuật đến cao đẳng (chiếm 11,1%).

- Về thời vụ: do có khí hậu lạnh nên thường nuôi tôm vào mùa hè là ăn chắc nhưng từ cuối tháng 8 đến tháng 11 hàng năm vùng ven biển thường gặp bão lũ ảnh hưởng lớn đến nuôi tôm.

**Bảng 1. Diễn biến diện tích, năng suất, sản lượng tôm nuôi nước lợ vùng ven biển Hà Tĩnh**

Chỉ tiêu	2005	2006	2007	2008	2009
Diện tích (ha)	1949	2360	2394	1834	1771
Năng suất (tạ/ha)	12,7	9,2	7,6	6,7	8,3
Sản lượng (tấn)	2480	2166	1812	1222	1477

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Hà Tĩnh

**Bảng 2. Một số chỉ tiêu bình quân của 1 hộ/trang trại nuôi trồng thủy sản**

Chỉ tiêu	ĐVT	Hộ (I)	Trang trại (II)	So sánh (II)/(I) (lần)
1. Đất nuôi trồng thủy sản	ha	0,36	3,75	10,41
2. Lao động	người	4,00	10,10	2,52
- Tự có	người	1,00	2,30	2,30
- Thuê thường xuyên	người	0	1,00	-
- Thuê thời vụ	người	2,50	6,80	2,72
3. Số máy móc thiết bị sản xuất	cái	1,50	2,79	1,86
4. Vốn đầu tư sản xuất	tr.đ	64,20	102,80	1,60

Nguồn: Số liệu điều tra năm 2009, n = 60 (30 hộ, 30 trang trại)

- *Những phương pháp nuôi*: đa phần các hộ nuôi theo phương pháp quảng canh hay quảng canh cải tiến nên năng suất thường thấp. Nông dân thường áp dụng nuôi quảng canh ở vùng có mặt nước hoang hoá chưa cải tạo, nhất là vùng cửa sông để lấy giống tự nhiên.

Nuôi tôm thâm canh đòi hỏi đầu tư lớn cho xây dựng đầm nuôi, phương thức nuôi được cơ giới hoá từ đưa nước mặn vào, xả nước thải, quạt nước... Các trang trại đều đầu tư máy móc hơn hộ nuôi nhỏ lẻ, số máy móc gấp 1,8 lần so với hộ (Bảng 2), mật độ nuôi cao tới 30 con/m<sup>2</sup>, thức ăn công nghiệp, năng suất và hiệu quả kinh tế cao nhưng rủi ro không nhỏ (xã Thạch Bàn, huyện Thạch Hà, năm 2009 nhiều hộ bị thất thu do dịch bệnh và kỹ thuật nuôi không bảo đảm).

Sự sai khác về năng suất của 2 nhóm (hộ và trang trại) thể hiện rõ rệt (P<0,001). Năng suất (NS) tôm bình quân các hộ chỉ đạt 0,25 tấn/ha (trong số 30 hộ điều tra chỉ có 1 hộ đạt NS cao nhất 0,5 tấn/ha và 2 hộ đạt NS thấp nhất là 0,1 tấn/ha). Đối với 30 trang trại, NS bình quân đạt 1,05 tấn/ha, gấp 4,2 lần với NS bình quân của các hộ (trong số đó có 1 trang trại đạt NS cao nhất 2 tấn/ha

và 1 hộ NS thấp nhất 0,4 tấn/ha). Việc phân tích cho thấy, mô hình nuôi tôm quảng canh ở qui mô hộ gây lãng phí nguồn lực đất đai, rất cần những cơ chế khuyến khích chuyển đổi thành trang trại.

- *Tiêu thụ sản phẩm*: Hiện nay sản phẩm tôm có thị trường tiêu thụ rộng, ngoài sản phẩm tươi sống còn làm nguyên liệu chế biến (trong vùng có một số cơ sở chế biến công nghiệp và chế biến thủy hải sản truyền thống như xã Thạch Kim huyện Lộc Hà, xã Thạch Hải huyện Thạch Hà, xã Xuân Hội huyện Nghi Xuân, xã Cẩm Nhung huyện Cẩm Xuyên, xã Kỳ Ninh huyện Kỳ Anh). Giá tôm những năm qua luôn đứng ở mức cao và năm sau cao hơn năm trước, nếu năm 2005 giá chỉ khoảng 40 - 40 nghìn đồng/kg thì năm 2009 đã tăng tới 80 - 100 nghìn đồng (tính theo giá người dân xuất bán cả lô hàng cho người thu gom).

### 3.2.3. Đánh giá hiệu quả kinh tế nuôi tôm vùng ven biển Hà Tĩnh

- *Về chi phí sản xuất*: Nếu ở mô hình nuôi quảng canh của hộ với chi phí trung gian 6,21 triệu đồng/ha thì trong các trang trại nuôi thâm canh chi phí trung gian gấp 8,02 lần (Bảng 3).

**Bảng 3. Một số chỉ tiêu hiệu quả kinh tế nuôi tôm sú trên đất ven biển**

Chỉ tiêu	ĐVT	Hộ nuôi quảng canh (I)	Tr. trại thâm canh (II)	So sánh (II)/(I) (lần)
<b>1. Chi phí sản xuất</b>	tr.đ/ha	7,20	51,11	7,09
- Chi phí giống, thức ăn... (IC)	tr.đ/ha	6,21	49,82	8,02
- Chi phí khác bằng tiền	tr.đ/ha	0,99	1,29	1,30
- Số công lao động (W)	công	200	367	1,84
<b>2. Hiệu quả tính trên 1 ha</b>				
- Giá trị sản xuất (GO)	tr.đ/ha	20,00	81,60	4,08
- Giá trị gia tăng (VA)	tr.đ/ha	13,79	31,78	2,30
- Thu nhập hỗn hợp (MI)	tr.đ/ha	12,80	30,49	2,38
<b>3. Hiệu quả tính trên 1đ chi phí IC</b>				
- Giá trị sản xuất (GO)	lần	3,22	1,64	0,51
- Giá trị gia tăng (VA)	lần	2,22	0,64	0,29
- Thu nhập hỗn hợp (MI)	lần	2,06	0,61	0,30
<b>4. Thu nhập hỗn hợp MI/công</b>	1000đ/công	64,00	83,08	1,30

Nguồn: Số liệu điều tra năm 2009, n = 60 (30 hộ, 30 trang trại)

Ở các trang trại, số công đầu tư cho 1 ha cao gấp 1,84 lần so với hộ. Thêm vào đó, giống và thức ăn khi nuôi theo mô hình công nghiệp là những khoản chi phí lớn (hiện tại giống và thức ăn chủ yếu nhập từ miền Trung hoặc miền Nam), nên khi mở rộng qui mô vượt quá năng lực đầu tư dễ gặp rủi ro.

- *Về hiệu quả kinh tế:* Nếu tính trên 1 ha sử dụng đất, lấy mô hình quảng canh của hộ làm nền đối chứng thì trang trại có hiệu quả kinh tế cao hơn, cụ thể trên 1 ha trang trại nuôi thâm canh có giá trị GO cao gấp 4,08 lần, VA cao gấp 2,3 lần và MI cao gấp 2,38 lần so với mô hình quảng canh của hộ.

Nếu đánh giá hiệu quả kinh tế theo chi phí sản xuất (IC), ở mô hình quảng canh của hộ, các chỉ tiêu hiệu quả như GO/IC, VA/IC, MI/IC của trang trại thấp hơn hộ vì chi phí trung gian của trang trại cao. Đó là lý do chính mô hình nuôi quảng canh vẫn hiện đang tồn tại trong dân khá phổ biến dẫn đến hiệu quả sử dụng đất đai rất thấp.

Nếu tính giá trị ngày công (MI/công), nuôi tôm thâm canh của nhóm trang trại bình quân chung đạt 83,08 nghìn đồng/công, cao gấp 1,3 lần so với giá trị ngày công hộ nuôi quảng canh.

### 3.3. Một số ảnh hưởng đến môi trường từ nuôi tôm vùng ven biển

Như môi trường nước, môi trường đất xung quanh rất dễ bị ảnh hưởng. Trong quá trình nuôi tôm, thức ăn thừa, các hoá chất kháng sinh, lớp nilon lót đáy ao nuôi tôm và những chất thải khác được thải qua mương xả làm ô nhiễm nguồn nước mặt. Mặt khác nước thải này được xả ra biển sẽ gây ô nhiễm nước biển, gây bệnh cho nguồn tôm giống tự nhiên (khảo sát trang trại của ông Nguyễn Trọng Tiến ở xã Cẩm Phúc, có diện tích nuôi tôm 0,5 ha, vụ nuôi năm 2009 do nhiễm bệnh tôm chết, bị thất thu). Đã có nghiên cứu đưa ra kết quả hàm lượng tổng muối tan trong nước ở các hệ thống sông hồ bị ảnh hưởng do nuôi tôm trên cát đều rất cao, có

nơi vượt quá tới ngưỡng ảnh hưởng xấu tới môi trường (Nguyễn Tuấn Anh, 2005). Đất cát ven biển có địa tầng xốp, yếu, thường khô hạn. Nếu khoan hút nước ngầm nuôi tôm làm mất cân bằng áp lực, tạo điều kiện cho nước mặn xâm nhập. Các chất thải rắn, lỏng từ thức ăn, chất xử lý đáy ao, các kháng sinh... dư thừa thấm thấu qua đáy và thành ao nuôi làm đất xung quanh có nguy cơ ô nhiễm. Ngoài ra rừng phòng hộ ven biển nhất là rừng ngập mặn luôn có nguy cơ bị thu hẹp do phá rừng để xây dựng đầm nuôi tôm nếu người dân không có ý thức bảo vệ và việc quản lý của chính quyền địa phương không chặt chẽ.

Như vậy, bên cạnh đem lại hiệu quả kinh tế cao từ nuôi tôm ở các vùng ven biển, mang phúc lợi môi trường sinh thái rất cần được tôn trọng và nghiên cứu sâu để có định hướng sử dụng đất ven biển một cách hợp lý và hiệu quả cả về kinh tế và môi trường.

#### 4. MỘT SỐ ĐỀ XUẤT CHỦ YẾU CHO SỬ DỤNG ĐẤT VEN BIỂN NUÔI TÔM HIỆU QUẢ VÀ BỀN VỮNG

##### 4.1. Tổ chức sản xuất phải tuân theo qui hoạch

Nuôi tôm nước lợ ven biển là lợi thế lớn của vùng ven biển Hà Tĩnh. Qui hoạch các vùng nuôi trồng thủy sản (NTTS) ven biển phải trên cơ sở điều tra, đánh giá kỹ những điều kiện tự nhiên kinh tế - xã hội liên quan, nhất là tiềm năng đất đai, nguồn nước và cơ sở hạ tầng như thủy lợi. Không nên vì cái lợi trước mắt mà tự phát mở rộng quy mô NTTS một cách ô ạt. Các địa phương cần quy hoạch để phân định ranh giới giữa các vùng NTTS với các vùng nông nghiệp, trồng rừng phòng hộ, vùng bảo tồn thiên nhiên, vùng dành cho du lịch, dải ven biển cần phát triển rừng phòng hộ phòng chống thiên tai. Các vùng nuôi tôm tập trung quy mô lớn cần bố trí cách xa các khu vực dân cư tập trung để tránh

những tác động gây ô nhiễm môi trường đất, nguồn nước sinh hoạt, không khí.

Qua khảo sát, đánh giá tiềm năng địa bàn như trao đổi với những cơ quan chuyên môn, nghiên cứu đã đề xuất định hướng vùng nuôi tôm tập trung vùng ven biển Hà Tĩnh như sau:

- Phát triển nuôi tôm nước lợ theo mô hình thâm canh, bán thâm canh tổ chức theo kiểu trang trại, quy mô diện tích các huyện Nghi Xuân khoảng 1000 ha (trọng điểm xã Xuân Hội, Xuân Giang, Xuân Phổ, Xuân Mỹ, Xuân Trường), huyện Lộc Hà 500 ha (trọng điểm các xã Ích Hậu, Hộ Độ, Mai Phụ, Thạch Bằng), Thạch Hà qui mô tập trung 700 ha (trọng điểm xã Thạch Hải, Thạch Bàn, Tượng Sơn, Thạch Long), huyện Cẩm Xuyên 500 ha (trọng điểm xã Cẩm Phúc, Cẩm Lộc, thị trấn Thiên Cẩm, Cẩm Hưng), huyện Kỳ Anh qui mô 1000 ha (trọng điểm xã Kỳ Trinh, Kỳ Thư, Kỳ Nam, Kỳ Hà, Kỳ Khang, Kỳ Ninh, Kỳ Hải, Kỳ Thọ).

##### 4.2. Giải pháp kỹ thuật

- Người sản xuất cần nắm vững qui trình kỹ thuật, nhất là vấn đề giống và thời vụ trong năm, áp dụng quy trình nuôi tôm sinh thái ở những bãi triều có rừng ngập mặn.

- Xử lý chống thấm cho bờ và ao nuôi thủy sản cần được nghiên cứu, vật liệu phù hợp để chống thấm lậu chất thải ra môi trường bên ngoài. Nghiêm ngặt kiểm soát việc sử dụng các loại hóa chất. Tiến tới đưa các hoạt động quan trắc môi trường (kể cả môi trường đất, nước, nước biển ven bờ) và cảnh báo dịch bệnh thủy sản là việc làm thường xuyên định kỳ của các cơ quan chuyên môn.

- Chuyển giao thuật thâm canh thích hợp theo hướng đa dạng hoá giống tôm cho phù hợp với từng vụ để nâng hệ số sử dụng đất mặt nước vì hiện tôm sú chỉ nuôi một vụ ở vùng ven biển Hà Tĩnh do mùa đông lạnh.

Cơ sở hạ tầng nhất là mương máng cấp thoát nước cần kiên cố hoá, thiết kế phù hợp cho NTTS, tránh tình trạng cạnh tranh

nguồn nước với sản xuất trồng trọt; có hệ thống xử lý chất thải.

#### **4.3. Quản lý gắn với tuyên truyền ý thức bảo vệ môi trường đối với cộng đồng**

- Tăng cường kiểm tra việc tuân thủ thực hiện Luật Môi trường, các quy định áp dụng cho các hoạt động NTTS vùng ven biển...

- Chính quyền và các cơ quan chức năng cần tuyên truyền giáo dục, khuyến khích sự tham gia của cộng đồng bảo vệ môi trường đi liền với phát triển kinh tế bền vững qua các hoạt động tập huấn, hội thảo và trao đổi thông tin với cộng đồng trong sản xuất NTTS.

- Tăng cường công tác khuyến ngư, phổ biến kiến thức bảo vệ môi trường, đặc biệt cần cảnh báo việc lạm dụng và thiếu hiểu biết về sử dụng các chế phẩm hoá chất độc hại trong NTTS.

### **5. KẾT LUẬN**

- Nuôi tôm nước lợ là một lợi thế của vùng ĐVB Hà Tĩnh, đến năm 2009 năm huyện ven biển của tỉnh có diện tích nuôi tôm 1171 ha. Diễn biến diện tích 5 năm (2005 - 2009) không ổn định và theo chiều hướng giảm.

- Hiện nay phương thức nuôi tôm trong vùng theo mô hình quảng canh hay quảng canh cải tiến ở các hộ gia đình là chủ yếu. Trong những năm gần đây, mô hình nuôi thâm canh ở các trang trại phát triển tương đối nhanh, năm 2009 đã có 179 trang trại nhưng còn thấp so với tiềm năng đất đai 6000 ha và trên 12 nghìn hộ nuôi trồng thủy sản, trong số đó có thể chuyển đổi nhiều hộ thành trang trại .

- Hiệu quả kinh tế nuôi tôm trên đất ven biển tương đối cao nhưng phụ thuộc vào loại hình nuôi. Tính bình quân trên 1 ha, các trang trại đầu tư thâm canh có hiệu quả cao hơn nhiều so với nuôi tôm quảng canh hay quảng canh cải tiến của hộ, tính ra GO đạt

81,6 triệu đồng gấp 4,08 lần; VA đạt 31,78 triệu đồng, gấp 2,3 lần và MI đạt 30,49 triệu đồng, gấp 2,38 lần.

- Một vấn đề nảy sinh là đối với nuôi tôm những năm qua là xuất hiện những rủi ro cả về kinh tế và môi trường, năng suất tôm nuôi không ổn định, nguồn nước, môi trường đất ở các khu vực lân cận bị ô nhiễm.

- Từ nghiên cứu cho thấy cần kết hợp các giải pháp mang tính đồng bộ, trong đó quan trọng là công tác quy hoạch và tổ chức sản xuất theo qui hoạch. Định hướng phát triển sản xuất theo kiểu trang trại, áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ, xây dựng cơ sở hạ tầng thích hợp và các giải pháp liên quan khác như công tác quản lý, giám sát qui trình kỹ thuật sản xuất, tuyên truyền giáo dục cộng đồng, tăng cường hoạt động khuyến ngư.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Nguyễn Tuấn Anh, Nguyễn Văn Toàn, Trịnh Văn Liêm (2005). Đánh giá tác động môi trường nuôi tôm công nghiệp trên cát vùng duyên hải Bắc Trung bộ, Đề tài khoa học cấp Bộ, Viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp, Hà Nội.
- Vũ Đình Bắc (2004). Nghiên cứu định hướng sử dụng đất cát ven biển huyện Thạch Hà tỉnh Hà Tĩnh, Luận văn thạc sĩ kinh tế, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội.
- Cục Thống kê Hà Tĩnh (2009). Niên giám thống kê tỉnh Hà Tĩnh các năm 2005 - 2009.
- Sở Nông nghiệp và PTNT Hà Tĩnh (2009). Kết quả điều tra trang trại nông - lâm - thủy sản tỉnh Hà Tĩnh.
- Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp (2005). Rà soát quy hoạch nông, lâm nghiệp, thủy sản tỉnh Hà Tĩnh, Dự án quy hoạch Bộ Nông nghiệp và PTNT.
- Viện Quy hoạch và Thiết kế nông nghiệp (2005). Điều tra, đánh giá tình hình sử dụng đất cát, bãi bồi ven biển các tỉnh Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Dự án điều tra Bộ Nông nghiệp và PTNT.